

# NHẬN DIỆN ĐIỂM YẾU VÀ CẢI THIỆN KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ

Lê Thị Ngọc Diệp

Trường Đại học Dân lập Văn lang

## TÓM TẮT

*Trong đào tạo chuyên ngành tiếng Anh, sinh viên Việt Nam thường gặp vấn đề "miễn cưỡng nói". Điểm yếu này xuất phát từ nhiều nguyên nhân về vốn từ vựng, về ngữ điệu, môi trường học tập, kỹ năng thuyết trình. Việc nhận diện các điểm yếu này và có giải pháp phù hợp sẽ góp phần cải thiện kỹ năng nói, nâng cao chất lượng đào tạo. Một số giải pháp về phát âm, ngữ điệu, về cách sử dụng từ vựng, về môi trường học tập, cách mở rộng đề tài, kỹ năng thuyết trình là những đề xuất của chúng tôi từ thực tiễn đào tạo sinh viên chuyên ngành tiếng Anh.*

**Từ khóa:** kỹ năng, học tiếng Anh, sinh viên

### 1. Thực trạng và nguyên nhân

Theo David Nunan (1999), vấn đề thách thức lớn nhất đối với người học tiếng Anh là "miễn cưỡng nói". Điều này xuất phát từ các yếu tố như văn hóa, ngôn ngữ, tâm lý của người học. Do đó, để học tốt môn nói tiếng Anh không phải là điều dễ dàng.

Việc "miễn cưỡng nói" là do trước đây sinh viên thường phải học trong những lớp học đông đúc, cơ hội nói tiếng Anh bị hạn chế, không được khuyến khích phát biểu ý kiến, đồng thời sinh viên luôn lo lắng khi trình bày. Mặt khác, kiến thức nền từ các trường phổ thông góp phần làm hạn chế việc giao tiếp khi chương trình học chỉ tập trung vào ngữ pháp và từ vựng của câu. Học sinh trung học trải qua 7 năm học tiếng Anh, nhưng không đạt được kết quả như mong muốn. Chính vì thế, số sinh viên tự nhận mình nói giỏi tiếng Anh rất hạn chế. Như thế, để nói giỏi được tiếng Anh thì rõ ràng yêu cầu người học cần phải có động cơ, vì "động cơ là chìa khóa quan trọng"

(Nunan, 1999) quyết định sự thành bại trong giao tiếp. Động cơ để đạt được, mong muốn đạt được, hài lòng khi đạt được sẽ giúp người học phấn đấu không ngừng.

Với kỹ năng nói tiếng Anh, sinh viên gặp nhiều vấn đề khác nhau. Trước tiên, học từ vựng là điều cơ bản nhất để có thể thành thạo một ngoại ngữ. Tuy nhiên, đây cũng là một hoạt động mà người học cảm thấy nản nhất. Người học có thể tìm ra một hoặc hai cách học mà họ cho rằng thích hợp với bản thân. Cách học từ vựng bằng cách viết nhiều lần trên giấy chưa thực sự hiệu quả, bởi lẽ ở trình độ đại học, đặc biệt là chuyên ngành, thì không nên chọn cách học theo trình độ sơ cấp. Học từ trong ngữ cảnh sẽ giúp sinh viên vận dụng linh hoạt trong các tình huống khác nhau và vốn từ vựng của họ sẽ ngày càng phong phú. Tuy nhiên, một sinh viên biết được nhiều từ vựng nhưng thuộc vào loại "miễn cưỡng nói" phần nào làm giảm sự năng động trong việc thể hiện kiến thức cũng như kỹ năng của mình, làm giảm

khả năng thuyết trình hay đơn giản là bày tỏ quan điểm bằng tiếng Anh.

Trong khi nói, ngữ điệu của câu cũng rất quan trọng. Nếu nhấn trọng âm không đúng thì người nghe có thể hiểu khác ý của mình. Hơn nữa, nói có trọng âm thường có sức thu hút hơn so với giọng nói “đều đều”, “vô cảm”. Những lỗi thường gặp như nói kiểu ghì giọng cho giống người bản xứ rất khó nghe và phát âm còn ngọng do tiếng địa phương của tiếng mẹ đẻ. Một vấn đề khác cũng cần lưu ý là việc điều chỉnh tốc độ nói. Sinh viên cố gắng nói quá nhanh (làm người nghe không hiểu) hoặc kiểu rề rà, ề a (làm người nghe sốt ruột) cũng góp phần làm giảm khả năng thuyết phục trước công chúng.

Trước khi thuyết trình hoặc trình bày quan điểm trước công chúng, việc luyện tập nhiều lần là cần thiết, tuy nhiên đừng để hết tâm trí vào phần nội dung mà quên mất phần quan trọng là nghệ thuật nói trước công chúng. Đó là cách nhấn trọng tâm vào những điểm quan trọng. Để làm được điều đó, sinh viên phải quan tâm đến cách nhấn trọng âm của từ hoặc câu, biết cách làm nổi bật những vấn đề quan trọng.

Thêm vào đó, mở rộng đề tài cũng vô cùng cần thiết cho kỹ năng nói. Nếu dễ dàng bỏ cuộc thì chắc chắn sẽ thiếu hụt vốn từ và kiến thức về đề tài đó. Không dễ dàng nản lòng là yếu tố giúp người học nói tiếng Anh ngày càng lưu loát. Những lý do như “nói mãi mà không tiến bộ” hay “muốn bỏ cuộc” là những lý do không chính đáng. Kiên trì theo đuổi đến cùng là việc người học cần nỗ lực liên tục. Để mở rộng kiến thức của mình cho một đề tài, sinh viên cần đọc thêm sách, báo, tra cứu các nguồn tài liệu trên internet, hoặc đơn giản hơn là học hỏi kinh nghiệm từ bạn bè, thầy cô. Việc

bám rất sát giáo trình, ít quan tâm đến những tài liệu tham khảo sẽ làm hạn chế việc học hỏi để phát triển đề tài và kỹ năng nói bị hạn chế.

Một vấn đề nữa là môi trường học tập của sinh viên. Việc ít được tiếp xúc với giáo viên hoặc người bản xứ cũng là một thiệt thòi đối với sinh viên chuyên ngữ. Để nghe và nói tốt, người học rất cần một môi trường học tập năng động. Được phát ngôn thường xuyên và học hỏi thêm được nhiều kiến thức về văn hóa của ngôn ngữ đó thì sinh viên sẽ vượt qua được trở ngại “miễn cưỡng nói”. Sinh viên mong muốn được học với người bản xứ có trình độ để mở rộng kiến thức và nâng cao khả năng giao tiếp. Họ cho rằng điều đó sẽ khiến cho họ nói tốt hơn. Ngoài ra, để cải thiện khả năng nói tiếng Anh của mình, sinh viên có thể tự tạo môi trường tự nghiên cứu, tự suy ngẫm để tập nói và tập nghe những gì người khác nói bằng cách tham gia các câu lạc bộ nói tiếng Anh hoặc học nhóm để có thể nói tiếng Anh mọi lúc mọi nơi. Hơn nữa, một điểm quan trọng sinh viên cần lưu ý, đó là việc ít dùng tiếng Anh để thảo luận trong giờ học đã hạn chế rất nhiều kỹ năng nói tiếng Anh. Việc dễ dãi trong tư duy học tập cũng khiến sinh viên khó tiến bộ.

Cuối cùng là kỹ năng thuyết trình. Việc diễn đạt không lưu loát hoặc thiếu tự tin hay dễ dàng quên những gì mình đang nói, thường xảy ra. Nguyên nhân chính là thiếu sự luyện tập thường xuyên. Sinh viên chỉ luyện tập khi phần thuyết trình thuộc về nhóm của mình, hoặc chủ quan không luyện tập. Những kỹ năng thuyết trình đã không được áp dụng khiến cho các môn học (General Speaking, Public Speaking, The Art of Teaching) bị rời rạc, không gắn kết

được với nhau, không áp dụng lẫn cho nhau. Khi thuyết trình sinh viên thiếu kỹ năng giao tiếp. Bởi vì sự giao lưu giữa người nói và người nghe sẽ khiến cho đề tài hấp dẫn hơn, không hẳn là nói cho xong một vấn đề.

## 2. Giải pháp

### 2.1. Về phát âm, ngữ điệu

Ngữ điệu được xem là một tiêu chí cốt lõi (core criteria) để đánh giá khả năng nói của người học tiếng Anh. Việc lên giọng hay xuống giọng không chính xác sẽ làm người nghe hiểu không đúng ý của người nói. Ngoài ra có những điểm cơ bản như lên giọng hay xuống giọng đối với câu hỏi. Nếu là dạng câu hỏi “có hay không” (“Yes/No” questions) thì người nói cần lên giọng (rising tone). Những câu hỏi dạng ‘trình bày’ (statement questions) thì người nói xuống giọng (falling tone). Muốn người nghe chú trọng vào điều gì thì người nói phải nhấn trọng âm vào từ, ngữ đó.

Để cải thiện phát âm và ngữ điệu thì người học nên đi đúng hướng. Ngoài tài liệu in, người học có thể sử dụng nguồn tư liệu trực tuyến như xem các băng đĩa (videos), câu đố tương tác (interactive quizzes), tham gia các hoạt động về phát âm (activities) và tải về những bài tập giúp ích cho việc học phát âm của mình. Khi gặp từ mới nên tra cứu cẩn thận, tránh đọc bừa, tạo thành thói quen không tốt. Ngoài ra, có những chương trình truyền thanh mà người học dễ dàng tải về để luyện âm. Người nói không cần thiết phải nói tiếng Anh giống người bản xứ, có được chất giọng riêng của mình càng hay. Điều quan trọng là phải nói được rõ ràng và không cản trở người khác hiểu những gì mình đang nói. Nên tránh kiểu nói ghì

giọng, kiểu nói nhanh không rõ ràng khiến người nghe không nắm được nội dung.

### 2.2. Về cách dùng từ vựng

Chúng ta có thể phân biệt được các loại từ vựng theo Tom Hutchinson và Alan Waters (1989) như sau:

- Từ theo cấu trúc như *are, this, only, however*.
- Từ đại cương như *table, run, dog, road, weather, cause*.
- Từ kỹ thuật chung như *engine, spring, valve, acid, budgetchung*.
- Từ chuyên ngành như *auricle, schistosome, fissure, electrophoresis*.

Học từ vựng một cách khoa học và hệ thống sẽ giúp sinh viên tăng được lượng vốn từ phong phú. Chúng tôi nhận thấy rằng sinh viên nhớ một từ dễ dàng qua ngữ cảnh mà họ đã học và nhóm chúng vào một lĩnh vực cụ thể. Việc sắp xếp có hệ thống sẽ giúp sinh viên học tốt hơn và mở rộng được vốn từ. Ví dụ, những từ ngữ liên quan đến cuộc sống gia đình: *marriage, wedding, divorce, family types (nuclear, extended, dysfunctional, close-nit..), parents, adoption..*

Để sử dụng từ ngữ một cách điều luyện, Lucas (2004) đưa ra rất nhiều cách. Sau đây là vài cách đơn giản:

- Trước hết là sử dụng những từ quen thuộc. Dùng từ sao cho người nghe không hiểu lầm, hiểu sai. Một trong những trở ngại cho một bài nói rõ ràng là sử dụng những từ to tát thay cho những từ đơn giản, ngắn gọn.

- Hãy chọn từ cụ thể. Dùng từ càng cụ thể càng tốt, để tránh sự mơ hồ cho người nghe.

- Loại bỏ sự lộn xộn. Cách diễn đạt dài dòng làm cho bài thuyết trình mất sức thu

hút. Thay vì nói “Trời đang mưa”, thì lại nói “Nó xuất hiện như thể chúng ta đang trải qua một trận mưa”. Hoặc thay vì nói “Chúng ta đang gặp khủng hoảng” thì lại nói “Chúng ta đang đối mặt với sự khủng hoảng đầy khó khăn và sẽ gặp rắc rối không giải quyết được”.

Do đó biết cách dùng từ, học từ và sử dụng từ sẽ giúp người học nói hay hơn, trình bày ý kiến của mình một cách hiệu quả hơn trong các buổi thảo luận nhóm hoặc thuyết trình trước lớp hoặc trước đám đông.

### 2.3. Về môi trường học tập

Ngoài những phương tiện hiện đại trợ giúp cho những tiết học hiệu quả hơn, thì được học với người nước ngoài là mong muốn của tất cả sinh viên chuyên ngữ. Vì “trong môi trường mà họ tìm được sự khuyến khích, sự kích thích trong học tập thì hiệu quả học tập và động cơ học tập sẽ cao” (Bereiter & Scardamalia, 1989). Sinh viên phải luôn được khuyến khích luyện tập thường xuyên với những bài thuyết trình trước lớp, trao đổi ý kiến, thảo luận, phân tích đề tài để nâng cao khả năng nói và thuyết trình.

Mặt khác, hoạt động hiệu quả của các câu lạc bộ cũng góp phần không nhỏ cho thành công của sinh viên. Các câu lạc bộ của trường hoặc khoa cần có những hình thức đa dạng để thu hút sự tham gia nhiệt tình của sinh viên nhằm tạo một sân chơi lành mạnh, hữu ích. Rất cần sự đầu tư chu đáo cho các câu lạc bộ vì đây cũng là một kênh học tập rất tốt để phát triển kỹ năng nói của sinh viên.

### 2.4. Về cách mở rộng đề tài

Để mở rộng kiến thức cho bản thân, giải pháp tốt nhất là có thể kết hợp nhiều kênh

thông tin như sách, báo, tài liệu trực tuyến, nhưng quan trọng nhất là biết tổng hợp và đối chứng những kiến thức thu được. Như vậy sinh viên sẽ có một mảng kiến thức nhất định về một đề tài mình sắp trình bày.

Học ngoại ngữ, không phải chỉ là biết nói ngoại ngữ đó, mà nó còn đòi hỏi người học phải có kiến thức về các lĩnh vực khác nhau như tôn giáo, văn hóa, xã hội... Nghĩa là người học phải trau dồi kiến thức về thế giới xung quanh ở một mức độ đủ để có thể trao đổi dễ dàng với người nghe. Sự hiểu biết và sự tâm đắc với đề tài của người nói sẽ dễ dàng thuyết phục người đối diện. Tự trang bị cho mình một lượng kiến thức phong phú đã là động cơ giúp người học ngày càng tiến bộ.

### 2.5. Về kỹ năng thuyết trình

Một bài thuyết trình tốt nên đạt được các mục tiêu cơ bản sau đây:

- Súc tích, ngắn gọn.
- Thiết kế tốt bài thuyết trình.
- Thực hiện bài thuyết trình lôi cuốn và hấp dẫn.
- Nhấn mạnh những điểm quan trọng.
- Tạo được sự cộng hưởng với người nghe.

Cho nên, trình bày rõ ràng, hấp dẫn được người nghe là một nghệ thuật cần sự kiên trì. Người diễn thuyết có thể kể một câu chuyện vui hoặc một câu chuyện hay có liên quan đến chủ đề mình sắp trình bày để tạo mối quan hệ thân thiện giữa người nghe và người nói, đồng thời tạo động lực cho chính người nói, giúp họ nói và nhớ tốt hơn.

Trình bày một vấn đề lan man còn là lỗi hay mắc phải của sinh viên. Chính vì dễ dàng quên những gì mình đang nói nên sinh viên cảm thấy mất tự tin và không

còn lưu loát. Việc tập trung vào các ý chính lại bị chi phối quá nhiều bởi các tiểu tiết, điều đó làm hạn chế kỹ năng trình bày. Do đó, không cần thiết tập trung quá nhiều vào tất cả các chi tiết phụ, mà cần phải chọn lọc những chi tiết phụ hay và dễ nhớ. Rèn luyện sự tự tin bằng cách tập nói thường xuyên, nói ít, nói ngắn. Khi đã quen thì nói dài hơn, nhiều hơn. Rèn luyện trí nhớ bằng cách tập luyện nhiều lần, có thể ghi chú lại những điểm khó nhớ và nhầm lại.

Để vượt qua được sự hồi hộp trong lúc thuyết trình, Lucas (2004) khuyên người nói nên chuyển từ sự hồi hộp bất lợi sang “sự hồi hộp tích cực”, đó là “một cảm giác sống động, nhiệt tình với tư thế nhẹ nhàng... Đó vẫn là sự hồi hộp, nhưng có cảm giác rất khác”. Có 6 cách để người nói có thể chuyển áp lực bị quan đó sang “sự hồi hộp tích cực”:

- Để đạt được kinh nghiệm nói: cần tham gia lớp học về nghệ thuật nói trước công chúng.

- Chuẩn bị cẩn thận: phải thật sự quan tâm và yêu thích đề tài, đồng thời suy nghĩ thấu đáo về đề tài đó.

- Suy nghĩ tích cực: luôn nghĩ rằng bản thân có thể thực hiện tốt đề tài.

- Sử dụng năng lực tưởng tượng: tạo ra một mô tả sống động với lời nói rõ ràng, mạnh mẽ.

- Ý thức được rằng sự hồi hộp là vô hình: khán giả sẽ không nhận thấy nhiều lắm sự căng thẳng của người nói, vì thế hãy bình tĩnh, tự tin.

- Đừng mong chờ sự hoàn hảo: nếu có tạo ra sai lầm gì, thì đó cũng không phải là thảm họa. Nếu xem bài thuyết trình là một

hành động giao tiếp hơn là một cuộc trình diễn, thì người nói sẽ dễ dàng vượt qua sai lầm đó.

### 3. Kết luận

Trong số các giải pháp trên, môi trường học tập là quan trọng nhất. Một môi trường tốt đi kèm những phương pháp tốt sẽ giúp cho sinh viên được hưởng điều kiện học tập tốt nhất. Những vấn đề rất cần sự quan tâm như sau:

- Câu lạc bộ tiếng Anh là kênh học tập khá quan trọng dành cho môn nói nên rất cần sự đầu tư lâu dài và sự chăm chút kỹ lưỡng. Câu lạc bộ nên được hoạt động thường xuyên hơn với sự hỗ trợ tích cực của lãnh đạo khoa và trường. Đồng thời, mỗi năm nên có từ hai đến ba cuộc thi hùng biện, tạo sân chơi tích cực để sinh viên có cơ hội thể hiện tài năng.

- Tăng cường nguồn giáo viên bản xứ. Nguồn giáo viên nước ngoài có trình độ tham gia giảng dạy cho sinh viên là một yếu tố hấp dẫn cho sự tuyển sinh của nhà trường. Sinh viên sẽ được luyện tập thường xuyên, lắng nghe thường xuyên giọng nói của người bản xứ để không còn bỡ ngỡ với việc tiếp xúc bằng tiếng Anh trong công việc sau này.

- Tạo một môi trường tiếng Anh thực sự. Ở trong môi trường đó, toàn bộ sinh viên chỉ sử dụng tiếng Anh. Tiếng Anh được sử dụng để trao đổi với giảng viên, với giáo vụ khoa, với cán bộ công tác sinh viên. Lâu dần sẽ tạo thành thói quen tích cực cho sinh viên và họ có thể dễ dàng trao đổi hoặc sử dụng những từ mà họ chưa từng dùng đến bằng tiếng Anh.

**IDENTIFYING WEAKNESSES AND IMPROVING ENGLISH  
SPEAKING SKILLS OF LINGUISTIC STUDENTS**

**Le Thi Ngoc Diep**

*Van Lang University*

**ABSTRACT**

*In teaching English major, Vietnamese students often have trouble of "reluctance to say". This weakness stems from several causes of vocabulary, intonation, learning environment, presentation skills, etc. Recognizing those weaknesses and having appropriate solutions will contribute to improve speaking skills, enhance educational quality. Some solutions in pronunciation, intonation, vocabulary use, environmental learning, theme expanding, presentation skills are our suggestions from the practical training of students majoring in English.*

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Bereiter, C., & Scardamalia, M. (1989), *Intentional learning as a goal of instruction*. In L. B. Resnick (Ed.), *Knowing, learning, and instruction: Essays in honor of Robert Glaser*, Hillsdale, NJ: Erlbaum Associates.
- [2] Hutchinson, Tom and Waters, Alan (1989), *English for Specific Purposes*, Cambridge.
- [3] Lucas, Stephen E (2004), *The Art of Public Speaking*, 8<sup>th</sup> Ed. McGraw-Hill.
- [4] Nunan, David (1999), *Second Language Teaching & Learning*, Heinle & Heinle.